

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 8 - 2022

“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Ngọc Trương

2. Ông Cao Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2022 về việc, *“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/DS-ST ngày 25/7/2022), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kiên Ánh N, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm 3, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Kim T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 1, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kiên Ánh N trình bày: Ngày 20/01/2014 chị và anh Kim T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1 (Số 05/2014 ngày 20/01/2014), thành phố TV, tỉnh TV. Sau khi kết hôn chị biết anh T nghiện ma túy đá nên chị và gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương

có can thiệp để buộc anh T cai nghiện, dù đã nhiều lần cai nghiện nhưng anh T vẫn tái nghiện lại và không chí thú làm ăn, không lo cho gia đình, ngược lại còn lấy tài sản trong nhà đi cầm cố để lấy tiền sử dụng ma túy đá. Từ những lý do trên, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng hơn, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh T đã ly thân 03 năm nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Kim T.

Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Kim H, sinh ngày 19/01/2016. Chị N không yêu cầu anh Kim T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Kim T vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, công khai chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn anh Kim Sewane Tha vắng mặt không có lý do.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiên Ánh N. Cho chị Kiên Ánh N được ly hôn với anh Kim T; giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết:* chị Kiên Ánh N yêu cầu được ly hôn với anh Kim T, yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Kim T là bị đơn có nơi cư trú tại

khóm 1, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Trong vụ án này, chị N có yêu cầu nuôi con chung chưa thành niên và Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tổ tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

+ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015.

+ Tòa án đã tiến hành tổng đạt: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho bị đơn anh Kim T nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:* Chị Kiên Ánh N và anh Kim T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống chị Kiên Ánh N và anh Kim T sống chung hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2019 thì chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị N và anh T sống ly thân nhau, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương như trước, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ.

- *Về phía bị đơn:* Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Kim T nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Về con chung:* Chị Kiên Ánh N và anh Kim T có 01 người con chung là Kim H, sinh ngày 09/01/2016, hiện đang do chị N nuôi dưỡng, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét về điều kiện nuôi dưỡng thì chị N có việc làm và có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi dạy con chung. Từ đó, Hội đồng xét

xử giao cháu Kim H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã giải thích quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị N biết khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng chị N vẫn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Theo chị N khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- *Về án phí:* Chị Kiên Ánh N phải chịu án phí hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 21; Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kiên Ánh N.

- *Về hôn nhân:* Cho chị Kiên Ánh N được ly hôn với anh Kim T.

- *Về con chung và cấp dưỡng:* Giao cháu Kim H, sinh ngày 09/01/2016 cho chị Kiên Ánh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Kim T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Kim T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chị Kiên Ánh N khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về nợ chung:* Chị Kiên Ánh N khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về án phí:* Chị Kiên Ánh N phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010122 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (chuyển thành án phí).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- UBND phường 1;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Gấm